

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG**

**PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI  
VÔ HIỆU Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**QUẢNG TRỊ, năm 2020**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Văn Cừ**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận  
văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn .....	4
7. Kết cấu của đề tài .....	4
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU.....</b>	<b>5</b>
1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại của hợp đồng thương mại .....	5
1.1.1. Khái niệm hợp đồng thương mại .....	5
1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng thương mại .....	5
1.1.3. Phân loại hợp đồng thương mại .....	5
1.1.3.1. Theo tính chất quan hệ hợp đồng.....	5
1.1.3.2. Theo thời hạn của hợp đồng.....	5
1.1.3.2. Theo nội dung của hợp đồng.....	5
1.1.3.4. Căn cứ vào thời điểm phát sinh nghĩa vụ của các bên.....	5
1.1.3.5. Căn cứ vào sự tương xứng về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.....	6
1.1.3.6. Căn cứ vào hình thức của hợp đồng.....	6
1.1.3.7. Căn cứ vào tính phụ thuộc lẫn nhau.....	6
1.2. Khái niệm và hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu.....	6
1.2.1. Khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu .....	6
1.2.2. Phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu .....	6
1.2.2.1. Căn cứ vào tính chất trái pháp luật của giao dịch .....	6
1.2.2.2. Căn cứ vào mức độ của sự vô hiệu .....	6
1.3. Khái quát về pháp luật hợp đồng thương mại vô hiệu.....	6
1.3.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu.....	6
1.3.2. Cấu trúc pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu.....	7
1.3.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu .....	7
1.3.3.1. Căn cứ pháp lý để yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu.....	7
1.3.3.2. Người có thẩm quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu ..	7
1.3.3.3. Tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng thương mại vô hiệu.....	

1.3.3.4. Hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu.....	7
Kết luận chương 1 .....	9
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM .....</b>	<b>10</b>
2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ...	10
2.1.1. Về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại.....	10
2.1.2. Các trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu .....	10
2.1.2.1. Hợp đồng thương mại vô hiệu do nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật. ....	10
2.1.2.2. Hợp đồng thương mại vô hiệu do bị nhầm lẫn.....	10
2.1.2.3. Hợp đồng thương mại vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.....	10
2.1.2.4. Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo.....	10
2.1.2.5. Hợp đồng trong hoạt động thương mại vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện .	10
2.1.2.6. Hợp đồng thương mại vô hiệu do người ký không đúng thẩm quyền ...	10
2.1.2.7. Hợp đồng thương mại vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức .....	10
2.2. Các quy định của pháp luật về việc xử lý hậu quả pháp lý khi hợp đồng thương mại vô hiệu.....	10
2.2.1. Khôi phục lại tình trạng ban đầu .....	10
2.2.2. Hoàn trả lại những gì đã nhận .....	11
2.2.4. Một số vấn đề khác.....	11
2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam hiện nay .....	11
2.3.1. Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu .....	11
2.3.2. Một số án điển hình và thực trạng giải quyết tranh chấp .....	12
2.3.3. Đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam.....	12
Kết luận chương 2 .....	13
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>14</b>
3.1. Một số yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu .....	14
3.1.1. Phù hợp với chủ trương, đường lối chính sách phát triển nền kinh tế thị	

trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.....	14
3.1.2. Đảm bảo sự thống nhất với hệ thống văn bản pháp luật, đặc biệt là Bộ luật Dân sự.....	14
3.1.2.1. Các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu cần được đặt trong mối quan hệ với các quy định về hợp đồng vô hiệu của Bộ luật dân sự.....	14
3.1.2.2. Sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật hiện hành theo hướng xây dựng hoàn thiện các quy định về hợp đồng trong Bộ luật dân sự và các luật chuyên ngành trong lĩnh vực thương mại .....	15
3.1.3. Đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong xu thế hội nhập .....	15
3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ...	15
3.2.1. Về khái niệm .....	15
3.2.2. Các quy định về điều kiện có hiệu lực .....	15
3.2.3. Các quy định về căn cứ vô hiệu và hậu quả pháp lý.....	16
3.2.3.1. Các quy định về căn cứ vô hiệu .....	16
3.2.3.2. Về hậu quả pháp lý.....	16
3.3. Một số biện pháp hạn chế tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu .....	16
3.4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu.....	17
3.4.1. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ Tòa án, đặc biệt là Thẩm phán.....	17
3.4.2. Tăng cường cơ sở vật chất và hoàn thiện chính sách đối với cán bộ Tòa án nhân dân .....	17
3.4.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu....	17
3.4.4. Tăng cường công tác tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật .....	18
3.4.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác, công khai, minh bạch các hoạt động xét xử của Tòa án.....	18
Kết luận chương 3 .....	19
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>20</b>



# MỞ ĐẦU

\*\*\*

## 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Khi giao kết hợp đồng thì chủ thể đều muốn hợp đồng đảm bảo được tính pháp lý của hợp đồng để dễ dàng thực hiện, để đảm bảo mang lại lợi nhuận cũng như tăng cường hợp tác, phát triển các mối quan hệ đối tác. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan cũng như chủ quan mà hợp đồng nói chung, hợp đồng thương mại nói riêng có thể bị tuyên là vô hiệu do các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu vẫn còn nhiều vướng mắc: các quy định chưa đầy đủ, có quy định còn chồng chéo, gây nên cách hiểu không thống nhất. Do đó, quyền lợi của các chủ thể tham gia quan hệ dân sự không được đảm bảo thỏa đáng khi hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu.

Bên cạnh đó, về phía các cơ quan nhà nước, do tính phức tạp của các quan hệ hợp đồng, những quy định không rõ ràng của pháp luật đã tạo cho họ rất nhiều khó khăn, lúng túng trong công tác xét xử có liên quan tới hợp đồng vô hiệu. Nói cách khác, chính điều đó làm hạn chế năng lực của các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các tranh chấp về hợp đồng. Và trên thực tế, cũng không ít trường hợp hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu do một bên giao kết hợp đồng lợi dụng các quy định của pháp luật để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ của mình.

Với thực trạng đó, các quy định pháp luật về hợp đồng vô hiệu cần sớm được hoàn thiện đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, hướng tới sự bảo đảm an toàn và lẽ công bằng cho các chủ thể, góp phần làm lành mạnh hóa môi trường kinh doanh. Một cơ sở pháp lý đầy đủ, hoàn chỉnh, một hành lang pháp lý thông thoáng không những là yêu cầu chính đáng của người dân, của các doanh nghiệp để họ thực hiện hoạt động kinh doanh và bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình mà còn là điều kiện để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ mà nhà nước giao. Hơn thế nữa, cần phải khẳng định rằng việc nhận thức đúng về bản chất của hợp đồng vô hiệu và việc xử lý chúng để từ đó xây dựng các quy định về hợp đồng vô hiệu một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn cũng sẽ góp phần hoàn thiện chế định hợp đồng trong hệ thống pháp luật của nước ta.

Từ những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài: ***“Pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam”*** để làm luận văn thạc sĩ luật học của mình..

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thời gian qua đã có một số công trình khoa học về vấn đề này được công bố mà tiêu biểu phải kể đến một số công trình sau đây:

- Nguyễn Hải Ngân (2015), *Hợp đồng dân sự vô hiệu do giả tạo*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Lê Thị Huyền Trang (2016), *Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Trần Thị Bích Ngọc (2018), *Pháp luật về hợp đồng vô hiệu trong kinh doanh thương mại và thực tiễn tại Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Lê Thanh Tuấn (2018), *Xử lý hợp đồng vô hiệu theo pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Hoàng Ngọc Hoa (2019), *Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp về hợp đồng vô hiệu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Vongphan Ienpanya (2019), *Xử lý hợp đồng thương mại vô hiệu theo pháp luật Lào và Việt Nam dưới góc độ so sánh*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Bên cạnh đó, cũng có nhiều bài viết của các tác giả như:

- Phan Minh Thanh (2015), “*Hợp đồng vô hiệu - từ quy định hiện tại đến Dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi)*”, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, Viện nghiên cứu lập pháp, Số 16/2015, tr. 37-43;
- Dương Anh Sơn (2017), *Hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn theo Bộ luật Dân sự năm 2015*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số 3/2017, tr. 48-53;
- Nguyễn Tiến Nùng (2017), *Xử lý khi hợp đồng vô hiệu do bị lừa dối*, Luật sư Việt Nam. Số 7/2017, tr. 55-58;
- Phạm Thị Thuý Kiều (2017), *Một số ý kiến về hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện hình thức*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số 7/2017, tr. 58-61, 64...

Có thể nhận thấy rằng các công trình kể trên mới chỉ nghiên cứu các quy định của BLDS năm 2005 về hợp đồng vô hiệu mà chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về pháp luật hợp đồng thương mại vô hiệu theo quy định của pháp luật hiện hành trong những năm gần đây. Vì vậy, việc



nghiên cứu một cách toàn diện các quy định về hợp đồng vô hiệu tìm hiểu thực tiễn áp dụng các quy định này trên thực tế có ý nghĩa quan trọng. Do đó, tác giả lựa chọn đề tài trên để nghiên cứu.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu đề tài là tìm ra các luận cứ khoa học và thực tiễn, từ đó đề ra các giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu theo quy định của BLDS và các Luật chuyên ngành có liên quan.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn xác định các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

- Phân tích khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại;
- Phân tích khái niệm, phân loại và hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu;
- Tìm hiểu các quy định của pháp luật về hợp đồng thương mại cũng như các trường hợp vô hiệu;
- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu;
- Một số án điển hình và thực trạng giải quyết tranh chấp;
- Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về hợp đồng thương mại vô hiệu, mà cụ thể là tập trung vào các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu trong BLDS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, đặt trong tương quan một số quy định của Luật thương mại, Luật doanh nghiệp... và thực tiễn áp dụng các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản nhất về hợp đồng thương mại vô hiệu. Trên cơ sở lý luận phân tích, đánh giá quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu đồng thời xem xét thực tiễn áp dụng các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu, đồng thời luận văn đưa ra những giải

pháp kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trên thực tiễn.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Để đạt được các mục đích nghiên cứu mà đề tài đặt ra, trong quá trình nghiên cứu luận văn sử dụng phương pháp luận nghiên cứu khoa học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như phương pháp bình luận, diễn giải, so sánh, tổng hợp, phân tích...

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Những kết quả nghiên cứu mới của luận văn sẽ đề cập một cách có hệ thống, chi tiết quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về hợp đồng thương mại vô hiệu; đưa ra những đánh giá nhận xét về tính hợp lý, logic, độ phù hợp với thực tiễn của các quy định này. Bên cạnh đó, những phân tích, đánh giá trong đề tài mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng trong việc giao kết hợp đồng thương mại và hạn chế rủi ro, tranh chấp trong việc thực hiện hợp đồng thương mại, giúp các cá nhân, thương nhân, tổ chức hiểu và vận dụng tốt hơn các quy định của pháp luật về hiệu lực của hợp đồng thương mại. Đồng thời các giải pháp, khuyến nghị được đề xuất sẽ góp phần hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật thương mại Việt Nam.

### **7. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần cam đoan, mục lục, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn được kết cấu thành 3 chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề lý luận chung và khái quát khung pháp luật về hợp đồng thương mại

*Chương 2:* Thực trạng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam

*Chương 3:* Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh về hợp đồng thương mại vô hiệu tại Việt Nam

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại của hợp đồng thương mại

#### 1.1.1. Khái niệm hợp đồng thương mại

Khi nhắc đến hợp đồng, tức là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt, quyền nghĩa vụ dân sự. Trong Luật thương mại Việt Nam không có khái niệm Hợp đồng thương mại, nhưng có thể hiểu Hợp đồng thương mại là *sự thỏa thuận giữa hai hay nhiều bên (trong đó, ít nhất một trong các bên phải là thương nhân) nhằm xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện hoạt động thương mại.*

#### 1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng thương mại

Thứ nhất, về nội dung của hợp đồng thương mại.

Thứ hai, hợp đồng thương mại được thiết lập theo cách thức mà hai bên thỏa thuận, có thể được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể của các bên giao kết.

Thứ ba, đối tượng của hợp đồng thương mại là hàng hóa và dịch vụ.

Thứ tư, mục đích của hợp đồng thương mại là lợi nhuận.

Thứ năm, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

#### 1.1.3. Phân loại hợp đồng thương mại

##### 1.1.3.1. Theo tính chất quan hệ hợp đồng

Căn cứ tính chất quan hệ hợp đồng, hợp đồng thương mại chia thành hợp đồng mang tính chất đền bù và hợp đồng mang tính chất tổ chức.

##### 1.1.3.2. Theo thời hạn của hợp đồng

Theo thời hạn, hợp đồng thương mại có thể gồm 2 loại là hợp đồng thương mại ngắn ngắn hạn và hợp đồng thương mại dài hạn dài hạn.

##### 1.1.3.2. Theo nội dung của hợp đồng

Một là, hợp đồng mua bán hàng hóa

Hai là, hợp đồng dịch vụ

##### 1.1.3.4. Căn cứ vào thời điểm phát sinh nghĩa vụ của các bên

Căn cứ vào thời điểm phát sinh nghĩa vụ của các bên, hợp đồng trong thương mại được chia thành hợp đồng ung thuận và hợp đồng thực tế.

*1.1.3.5. Căn cứ vào sự tương xứng về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng*

Căn cứ vào sự tương xứng về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng hợp đồng trong thương mại được chia thành hợp đồng song vụ và hợp đồng đơn vụ.

*1.1.3.6. Căn cứ vào hình thức của hợp đồng*

Căn cứ vào hình thức của hợp đồng, hợp đồng thương mại được chia thành hợp đồng bằng văn bản, hợp đồng bằng lời nói, hợp đồng bằng hành vi.

*1.1.3.7. Căn cứ vào tính phụ thuộc lẫn nhau*

Căn cứ vào tính phụ thuộc lẫn nhau, hợp đồng thương mại được chia thành hợp đồng chính và hợp đồng phụ.

## **1.2. Khái niệm và hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu**

### ***1.2.1. Khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu***

Ở mức độ khái quát có thể hiểu hợp đồng vô hiệu là hợp đồng không tuân thủ các điều kiện có hiệu lực do pháp luật quy định nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

### ***1.2.2. Phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu***

#### ***1.2.2.1. Căn cứ vào tính chất trái pháp luật của giao dịch***

Căn cứ vào tính chất trái pháp luật của giao dịch, hợp đồng thương mại vô hiệu được chia thành hai loại: hợp đồng thương mại vô hiệu tuyệt đối và hợp đồng thương mại vô hiệu tương đối.

#### ***1.2.2.2. Căn cứ vào mức độ của sự vô hiệu***

Căn cứ vào mức độ của sự vô hiệu, hợp đồng thương mại vô hiệu được chia thành hai loại: hợp đồng thương mại vô hiệu toàn bộ và hợp đồng thương mại vô hiệu từng phần.

## **1.3. Khái quát về pháp luật hợp đồng thương mại vô hiệu**

### ***1.3.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu***

Pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu, hiểu theo nghĩa khách quan là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định điều kiện xác định hợp đồng thương mại vô hiệu toàn bộ và hợp đồng thương mại vô hiệu từng phần; cơ quan có thẩm quyền kết luận và xử lý hợp đồng thương mại vô hiệu; việc xử lý hợp đồng thương mại vô hiệu.

### ***1.3.2. Cấu trúc pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu***

Vấn đề hợp đồng kinh tế vô hiệu được đề cập lần đầu tiên trong Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ban hành ngày 29/9/1989.

Pháp luật quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu không chỉ có BLDS 2015 mà còn có nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác như Luật Doanh nghiệp, Luật phá sản, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Xây dựng...

Nhìn chung, pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu không chỉ được cấu thành bởi một văn bản pháp luật duy nhất mà nó được điều chỉnh bởi nhiều văn bản khác nhau với những nội dung thống nhất, liên quan mật thiết, bổ sung cho nhau.

### ***1.3.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu***

#### ***1.3.3.1. Căn cứ pháp lý để yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu***

Căn cứ để yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu là là cơ sở để Tòa án xem xét giải quyết các tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu. Vì vậy, khi xem xét hiệu lực của hợp đồng trong kinh doanh, thương mại, cần dựa trên các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định trong BLDS và các quy định có liên quan.

Một là, điều kiện chủ thể.

Hai là, điều kiện nội dung hợp đồng:

Ba là, điều kiện hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

#### ***1.3.3.2. Người có thẩm quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu***

Hợp đồng thương mại có bản chất chung của hợp đồng là sự thỏa thuận để xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền nghĩa vụ trong hoạt động thương mại. Chủ thể của hợp đồng thương mại chủ yếu và ít nhất một bên là thương nhân. Thương nhân dù tồn tại dưới hình thức nào thì khi giao kết hợp đồng thương mại cũng chỉ có thể là cá nhân hoặc pháp nhân. Vì vậy, khi hợp đồng thương mại vô hiệu thì cá nhân hoặc pháp nhân ký kết hợp đồng đó có thẩm quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu.

#### ***1.3.3.3. Tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng thương mại vô hiệu***

Về giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu thì giao dịch sẽ bị “tuyên bố vô hiệu”. Theo quy định của BLDS thì các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu được áp dụng cho hợp đồng thương mại vô hiệu. Vì vậy, đối với hợp đồng thương mại vô hiệu thì cũng phải “tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu”.

Hợp đồng thương mại vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm giao kết và các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu. Như vậy, khi hợp đồng thương mại vô hiệu là mọi thỏa thuận coi như không có.

#### *1.3.3.4. Hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu*

Trong khoa học pháp lý cũng như luật thực định, thuật ngữ hậu quả pháp lý được sử dụng rất rộng rãi. Tuy nhiên, định nghĩa của nó thì dường như chưa được làm rõ. Khái niệm hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu đã được sử dụng trong BLDS ở nước ta. LTM lại có cách tiếp cận khác, đó là không sử dụng khái niệm hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu mà quy định cụ thể các phương thức xử lý đối với hợp đồng thương mại vô hiệu. Cách tiếp cận như trên của LTM để đưa đến một nhầm lẫn đó là coi các khái niệm hậu quả pháp lý và xử lý hợp đồng thương mại vô hiệu là một. Vì vậy, cách tiếp cận vấn đề này của BLDS là hợp lý hơn cả.

## **Kết luận chương 1**

\*\*\*

Trong Chương 1, luận văn đã tìm hiểu, phân tích và đưa ra khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại, đồng thời, thông qua việc phân tích khái niệm, đặc điểm, phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu; khái niệm hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu và phương thức xử lý hậu quả hợp đồng thương mại vô hiệu để nắm được những kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại vô hiệu. Bên cạnh đó, luận văn tìm hiểu khái quát pháp luật về hợp đồng thương mại dưới góc độ lý luận ở nội số nội dung như: khái niệm pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu, cấu trúc pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu, nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu để tạo cơ sở phân tích trực trạng pháp luật ở chương 2 và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM**

#### **2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu**

##### **2.1.1. Về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại**

Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng bao gồm các điều kiện về chủ thể, về nội dung và về hình thức.

##### **2.1.2. Các trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu**

*2.1.2.1. Hợp đồng thương mại vô hiệu do nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật.*

*2.1.2.2. Hợp đồng thương mại vô hiệu do bị nhầm lẫn*

*2.1.2.3. Hợp đồng thương mại vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép*

*2.1.2.4. Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo*

*2.1.2.5. Hợp đồng trong hoạt động thương mại vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện*

*2.1.2.6. Hợp đồng thương mại vô hiệu do người ký không đúng thẩm quyền*

*2.1.2.7. Hợp đồng thương mại vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức*

#### **2.2. Các quy định của pháp luật về việc xử lý hậu quả pháp lý khi hợp đồng thương mại vô hiệu**

##### **2.2.1. Khôi phục lại tình trạng ban đầu**

Trong trường hợp bên đã làm hư hỏng, giảm giá trị tài sản phải sửa chữa, phục hồi, nâng cấp lại tài sản, nhưng đối với trường hợp thứ hai, có cần thiết phải khôi phục tài sản trở về trạng thái ban đầu khi tài sản đó đã được làm tăng giá trị?

Quy định “các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu” cũng là việc không thể trong trường hợp đối tượng của hợp đồng là công việc (dịch vụ) đã được thực hiện, nên “các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận” không hề đơn giản. Trong trường hợp này, nếu áp dụng “nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền” thì qui định về việc không công nhận quyền và nghĩa vụ của các bên lại không có ý nghĩa.



### **2.2.2. Hoàn trả lại những gì đã nhận**

Vấn đề này đã được BLDS năm 2015 bước đầu giải quyết thỏa đáng. Tại Điều 129 BLDS 2015 có quy định về việc nếu một hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong hợp đồng đối với hợp đồng đã xác lập theo quy định bằng văn bản nhưng không đúng quy định pháp luật hoặc vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực thì hợp đồng không bị tuyên bố vô hiệu và đương nhiên khi đó các bên không phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Quy định này nhằm hạn chế những trường hợp đáng tiếc khi hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức. Quy định cũng bước đầu mở ra hướng giải quyết hậu quả khi các hợp đồng vô hiệu đã được một hoặc các bên thực hiện gần xong, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

### **2.2.4. Một số vấn đề khác**

Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó.

Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân.

## **2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam hiện nay**

### **2.3.1. Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu**

Các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu đó là:

*Một là*, do sự chủ quan của các bên trong việc thiết lập hợp đồng thương mại.

*Hai là*, do ý chí chủ quan của các chủ thể trong hợp đồng thương mại (có tình không thực hiện các giao kết trong hợp đồng dẫn tới bên bị vi phạm buộc phải khởi kiện tại tòa án để bảo vệ quyền lợi).

*Ba là*, đối với các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế thì tranh chấp phát sinh ngoài những nguyên nhân trên còn do: năng lực của doanh nghiệp trong quan hệ thương mại quốc tế còn nhiều hạn chế; sự thiếu hiểu biết về pháp luật và tập quán thương mại quốc tế.

*Bốn là*, sự biến động của những yếu tố như giá cả, tỷ giá, cung cầu của mỗi quốc gia là khác nhau ở mỗi giai đoạn ảnh hưởng rất lớn đến lợi ích của các bên

và có thể dẫn đến nguy cơ xảy ra tranh chấp.

*Năm là*, các sự kiện bất khả kháng xảy ra ngẫu nhiên trong thực tế sau khi hai bên đã ký kết hợp đồng mà không thuộc trường hợp đồng miễn trách nhiệm.

*Sáu là*, đối với các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, ngoài những nguyên nhân khách quan trên còn có thể kể đến các nguyên nhân sau: Hợp đồng thương mại quốc tế là hợp đồng liên quan đến ít nhất hai hệ thống pháp luật của hai quốc gia; ngoài ra, còn có thể liên quan đến tập quán quốc tế điều chỉnh các quan hệ hợp đồng, các bên ký kết lại không tìm hiểu kỹ lưỡng trước khi ký kết hợp đồng dẫn đến việc ký kết hợp đồng không đúng, không đầy đủ, dẫn đến cách hiểu không thống nhất làm phát sinh tranh chấp giữa các bên; sự thay đổi chính sách và pháp luật điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế.

### ***2.3.2. Một số án điển hình và thực trạng giải quyết tranh chấp***

*2.3.2.1. Án liên quan đến hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật*

*2.3.2.2. Án liên quan đến hợp đồng thương mại vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép*

*2.3.2.3. Án liên quan đến hợp đồng thương mại vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức*

### ***2.3.3. Đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam***

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của đất nước quá trình hội nhập diễn ra ngày càng sâu rộng, trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, pháp luật... Pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật dân sự, thương mại nói riêng đã có những tiếp cận mới phù hợp với nhu cầu thực tiễn của cuộc sống. Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Đó là, Tòa án chưa xác định được thiệt hại thực tế xảy ra từ việc hợp đồng thương mại vô hiệu, chưa xác định được lỗi của chủ thể khi tham gia ký kết hợp đồng thương mại, dẫn đến việc giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự bị ảnh hưởng và việc khiếu kiện kéo dài.

## **Kết luận chương 2**

\*\*\*

Trong Chương 2, tác giả đã tìm hiểu, phân tích, bình luận các quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng thương mại vô hiệu như điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, các trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu và các quy định của pháp luật về việc xử lý hậu quả pháp lý khi hợp đồng thương mại vô hiệu. Đồng thời, tác giả tìm hiểu một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu; dẫn chứng, phân tích, bình luận một số vụ án điển hình và thực tiễn giải quyết tranh chấp. Chính việc không đủ đầy trong nội dung của các quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu đã tạo nên những lỗ hổng cho các chủ thể kinh doanh lợi dụng gây bất lợi cho đối tác. Do đó, việc phân tích thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu là cần thiết để từ đó có những phương hướng cụ thể hoàn thiện pháp luật về hợp đồng nói chung và hợp đồng thương mại vô hiệu nói riêng ở Việt Nam hiện nay.

### Chương 3

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Một số yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu**

#### ***3.1.1. Phù hợp với chủ trương, đường lối chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam***

Từ hoàn cảnh thực tế của Việt Nam có thể thấy rằng, chúng ta chưa đầy đủ các tiền đề cần thiết để xây dựng khung pháp luật về hợp đồng kinh tế trong đó có chế định về hợp đồng thương mại vô hiệu, xử lý hợp đồng thương mại một cách đồng bộ và hoàn chỉnh. Các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu hiện hành còn mang tính chất quá độ. Chính vì vậy, trong bước chuyển sang nền kinh tế thị trường ngày càng hội nhập sâu rộng đòi hỏi pháp luật về hợp đồng nói chung, hợp đồng thương mại vô hiệu nói riêng phải linh hoạt, mềm dẻo, có tính thích nghi cao đáp ứng được nhu cầu phát triển thị trường và nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của Nhà nước.

#### ***3.1.2. Đảm bảo sự thống nhất với hệ thống văn bản pháp luật, đặc biệt là Bộ luật Dân sự***

*3.1.2.1. Các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu cần được đặt trong mối quan hệ với các quy định về hợp đồng vô hiệu của Bộ luật dân sự*

Hợp đồng thương mại là một dạng đặc thù của hợp đồng dân sự. Mọi hợp đồng dù nhằm phục vụ cho nhu cầu kinh doanh hay tiêu dùng sinh hoạt đều chịu sự điều chỉnh chung của Bộ luật dân sự. Hiện tại để điều chỉnh quan hệ hợp đồng, pháp luật Việt Nam có hai văn bản cùng tồn tại đó là BLDS năm 2015 và Luật thương mại 2005. Xét từ mối quan hệ chung - riêng giữa hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại, tác giả cho rằng cần luôn tuân thủ nguyên tắc của mối quan hệ chung - riêng giữa hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại, nghĩa là những gì đã được quy định tương đối cụ thể tại BLDS thì không cần đề cập đến trong pháp luật về hợp đồng thương mại nữa.

*3.1.2.2. Sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật hiện hành theo hướng xây dựng hoàn thiện các quy định về hợp đồng trong Bộ luật dân sự và các luật chuyên ngành trong lĩnh vực thương mại*

Do đó, để tuyên bố và giải quyết hợp đồng vô hiệu một cách chính xác, có sức thuyết phục, cần hướng tới các vấn đề sau:

Thứ nhất, tôn trọng tự do hợp đồng

Thứ hai, xác định sự can thiệp vào tự do hợp đồng

Thứ ba, trật tự công thay cho điều cấm của pháp luật

Thứ tư, sử dụng án lệ về hợp đồng dân sự vô hiệu

### ***3.1.3. Đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong xu thế hội nhập***

Trong xu hướng đó, việc hoàn thiện pháp luật hợp đồng nói chung và hợp đồng vô hiệu nói riêng cần phải có sự nghiên cứu, tham khảo pháp luật về hợp đồng các nước, để tạo sự tương thích của pháp luật hợp đồng ở nước ta với pháp luật về hợp đồng ở các nước trên thế giới, đáp ứng nhu cầu hội nhập hiện nay.

## **3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu**

### ***3.2.1. Về khái niệm***

Để khắc phục những hạn chế hiện có về hợp đồng thương mại vô hiệu thì khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu cần phải có các nội dung sau:

*Một là*, hợp đồng thương mại vô hiệu là một hợp đồng không có giá trị về mặt pháp lý.

*Hai là*, sự vô hiệu của hợp đồng thương mại được xác định ngay tại thời điểm hình thành hợp đồng thương mại, kể cả trường hợp hợp đồng thương mại đã hoặc đang được thực hiện.

*Ba là*, về nguyên tắc một hợp đồng không đủ điều kiện để có hiệu lực khi được khắc phục khiếm khuyết sẽ chỉ được coi là có hiệu lực kể từ thời điểm các khiếm khuyết được khắc phục chứ không phải kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập.

### ***3.2.2. Các quy định về điều kiện có hiệu lực***

Từ thực tiễn cho thấy, để hợp đồng có hiệu lực chỉ cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Các bên giao kết thỏa thuận một cách tự nguyện;
- Các bên giao kết có đầy đủ năng lực để giao kết hợp đồng;

- Căn cứ giao kết hợp đồng phải hợp pháp, không trái đạo đức xã hội.

### **3.2.3. Các quy định về căn cứ vô hiệu và hậu quả pháp lý**

#### **3.2.3.1. Các quy định về căn cứ vô hiệu**

3.2.3.1.1. Hợp đồng thương mại vô hiệu do nhầm lẫn

3.2.3.1.2. Trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép

3.2.3.1.3. Trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu do các bên không đủ năng lực giao kết hợp đồng

3.2.3.1.4. Trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu do nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật

3.2.3.1.5. Trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu do người ký không đúng thẩm quyền

#### **3.2.3.2. Về hậu quả pháp lý**

*Thứ nhất*, hợp đồng bị tuyên bố là vô hiệu vì bản thân hợp đồng không đem lại lợi ích cho ít nhất một bên chủ thể như mong muốn của họ.

*Thứ hai*, hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu bởi một lý do, nhưng lý do này không làm ảnh hưởng đến lợi ích mà các bên mong muốn.

### **3.3. Một số biện pháp hạn chế tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu**

Do quy định pháp luật vẫn tồn tại những bất cập, vì vậy, trong thời gian chờ đợi để có những quy định hợp lý và phù hợp với thực tế hơn, các chủ thể tham gia vào quan hệ hợp đồng nên chủ động trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Đặc biệt, bằng biện pháp thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng, các chủ thể có thể hạn chế được một phần các rủi ro có thể xảy ra với mình trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong đó, các điều khoản về phạt vi phạm nên được quy định rõ ràng và nằm trong giới hạn pháp luật quy định, để khi có tranh chấp xảy ra thì tòa án có thể chấp nhận thỏa thuận trên một cách dễ dàng với tư cách là sự thỏa thuận của các bên theo quy định của pháp luật. Điều khoản bồi thường thiệt hại trên thực tế rất khó được thực thi do phải chứng minh các điều kiện để được bồi thường. Khi có tranh chấp xảy ra thì tòa án cũng sẽ cân nhắc rất kỹ vấn đề này. Vì vậy, các bên có thể hạn chế rủi ro bằng các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên, càng chi tiết, càng cụ thể bao nhiêu sẽ hạn chế việc vi phạm hợp đồng bấy nhiêu. Đồng thời, cũng dễ dàng cho việc xác định thiệt hại cũng như các điều kiện khác khi có vi phạm xảy ra để có thể được bồi thường

thiệt hại một cách chính đáng nhất.

### **3.4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu**

#### ***3.4.1. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ Tòa án, đặc biệt là Thẩm phán***

Thẩm phán đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động tố tụng. Đội ngũ Thẩm phán là nhân tố quyết định sự thành công hay thất bại của Tòa án trong việc bảo đảm hoàn thành xuất sắc chức năng xét xử của Tòa án. Các tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu phát sinh đa dạng do đó, đòi hỏi các bộ Tòa án phải có trình độ chuyên môn sâu, nắm vững và áp dụng đúng các quy định của pháp luật. Việc đào tạo, bồi dưỡng sẽ giúp cho đội ngũ Thẩm phán có kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ xét xử hoàn thành tốt nhiệm vụ giải quyết các vụ án tranh chấp phân chia di sản thừa kế phát sinh tại TAND có thẩm quyền để từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả xét xử. Đào tạo, bồi dưỡng chính là hoạt động tiền đề cho công tác chuẩn hóa, sắp xếp và sử dụng hiệu quả đội ngũ Thẩm phán. Đội ngũ Thẩm phán có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng nghiệp vụ xét hỏi vững vàng sẽ đảm bảo chất lượng cũng như tính hợp pháp của các bản án, quyết định.

#### ***3.4.2. Tăng cường cơ sở vật chất và hoàn thiện chính sách đối với cán bộ Tòa án nhân dân***

Để nâng cao chất lượng trong việc giải quyết các vụ án nói chung, án liên quan đến tranh chấp về hợp đồng thương mại nói riêng tại Tòa án thì việc tăng cường điều kiện, cơ sở vật chất và hoàn thiện chính sách đối với các cán bộ Tòa án, đặc biệt là Thẩm phán là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

#### ***3.4.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu***

Nhằm đảm bảo việc xét xử đúng pháp luật, kịp thời đảm bảo về mặt quyền lợi của các đương sự thì trong công tác xét xử các vụ án tranh phân chia di sản thừa kế, Tòa án cần có sự phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát, Công an, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng khác có liên quan trong việc cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu liên quan đến công tác giải quyết vụ án. Đồng thời, cần kiện toàn lại quy chế, từng bước khắc phục những hạn chế, vướng mắc

giữa các bên nhằm bảo đảm công tác phối hợp xử lý trong từng vụ việc phân chia di sản thừa kế đạt được kết quả tốt nhất, phòng tránh những sai sót liên quan trong công tác tố tụng nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

#### ***3.4.4. Tăng cường công tác tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật***

Tổng kết, rút kinh nghiệm đưa ra hướng giải quyết đúng đắn và thống nhất là vấn đề cần thiết cho việc xét xử. Thường xuyên tổng kết, cập nhật số liệu về tình hình giải quyết tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu và đề ra phương hướng triển khai thực hiện quy định pháp luật hiệu quả hơn. Cùng với đó, việc áp dụng các quy định pháp luật đúng đắn và thống nhất cũng rất quan trọng. Để đảm bảo pháp luật được áp dụng thống nhất, Tòa án phải tổng kết lại, xem xét lại quá trình xét xử trong cơ quan, trong nhiều cấp xét xử để đưa ra hướng giải quyết thống nhất và đúng đắn trong quá trình giải quyết. Thực tiễn cho thấy, các giải pháp về rút kinh nghiệm công tác xét xử có tác dụng tích cực, hạn chế các sai sót trong quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu và trình độ về chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán cũng được nâng cao.

#### ***3.4.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác, công khai, minh bạch các hoạt động xét xử của Tòa án***

Tòa án cần từng bước trang bị đầy đủ phương tiện để các cán bộ công chức, Thẩm phán ứng dụng công nghệ thông tin bằng cách xây dựng Cổng thông tin điện tử để nhằm mục đích giới thiệu các hệ thống văn bản pháp luật, cập nhật các văn bản pháp luật mới để các cán bộ Tòa án cập nhật kịp thời trong quá trình giải quyết vụ án đúng pháp luật hiện hành; xây dựng chuyên mục hướng dẫn thủ tục để người dân có thể tham khảo; công khai các bản án đã xét xử; công khai lịch xét xử cũng như tiến độ giải quyết vụ án... Bên cạnh đó, Tòa án cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính công, trong việc triển khai áp dụng hệ thống gửi, nhận đơn kiện, tài liệu chứng cứ và cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử; quản lý án trong phần mềm giám sát hoạt động chuyên môn, sẽ đáp ứng ngày càng tốt hơn trong việc phục vụ yêu cầu chính đáng của nhân dân, góp phần xây dựng hình ảnh Tòa án thân thiện, gần dân, là chỗ dựa cho nhân dân trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.



### **Kết luận chương 3**

\*\*\*

Như vậy, ngoài việc định hướng cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu qua các giải pháp như: nhất quán pháp luật về hợp đồng, định hướng sửa đổi một số vấn đề trong BLDS của Việt Nam, hài hòa lợi ích trong nước và hội nhập quốc tế thì chương 3 còn dành khá nhiều dung lượng để đưa ra các giải pháp cụ thể cho quy định pháp luật về từng vấn đề xung quanh toàn bộ quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu. Những giải pháp này góp phần bổ sung thêm, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng nói chung, hợp đồng thương mại vô hiệu nói riêng tại Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn giải quyết, giải quyết tranh chấp phân chia di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân.

## KẾT LUẬN

\*\*\*

Pháp luật hợp đồng của Việt Nam hiện nay, tuy có một số hạn chế nhất định đang được các nhà làm luật tiếp tục sửa đổi, bổ sung để bắt kịp với thực tiễn xã hội nhưng nhìn chung được xem là khá tiến bộ và phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế – xã hội trong thời kỳ hiện nay. Sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung các chế định về hợp đồng đã phân nào quán triệt, thể chế hoá các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế – xã hội của nhà nước, cụ thể hoá các quyền về kinh tế, dân sự của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp 2013 và đáp ứng được các yêu cầu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Các quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng đã thể hiện quan điểm tăng cường quyền tự do hợp đồng thông qua việc các bên được toàn quyền quyết định về đối tác tham gia ký kết hợp đồng, hình thức hợp đồng, nội dung của hợp đồng và trách nhiệm của các bên khi có vi phạm.

Trong phạm vi luận văn này, tác giả đã tập trung phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại vô hiệu trên cơ sở đó nhằm thống nhất nhận thức các quy định của pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu. Luận văn cũng xác định rõ các trường hợp vô hiệu của hợp đồng thương mại không chỉ được quy định trong BLDS năm 2015 mà còn được quy định trong các văn bản pháp luật chuyên ngành như LTM năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010, Luật Xây dựng năm 2014...

Bên cạnh việc nghiên cứu các vấn đề lý luận về hợp đồng thương mại. Trong luận văn này, tác giả cũng đi sâu tìm hiểu thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu của các nhà thực thi pháp luật và các chủ thể kinh doanh. Từ đó tìm ra các điểm hạn chế trong quy định của pháp luật về hợp đồng thương mại hiện nay, đó là: có quy định còn chung chung, chưa bao quát được các trường hợp hợp đồng vô hiệu, các quy định có phần cứng nhắc, có chỗ còn thiếu không theo kịp cuộc sống. Cụ thể là:

+ Trong quy định cụ thể vẫn có những nội dung chưa thật sự hợp lý, chưa phù hợp với thực tiễn cuộc sống, chưa rõ ràng như trường hợp hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa hay vô hiệu do không thỏa mãn điều kiện về hình thức hợp đồng...

+ Đường lối giải quyết hậu quả hợp đồng dân sự vô hiệu còn cứng nhắc, chưa đảm bảo sự công bằng cho các đương sự. Do vậy, việc áp dụng pháp luật gặp rất nhiều khó khăn, thiếu chính xác.

+ Các quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên chủ thể giao kết hợp đồng.

Với thực trạng đó, các quy định về xử lý hợp đồng vô hiệu cần phải được hoàn thiện để những quy định này mang tính khả thi hơn, phù hợp với thực tế và quan trọng hơn là tạo điều kiện để hợp đồng phát huy hết vai trò của mình trong nền kinh tế thị trường.

Với mong muốn được góp phần hoàn thiện các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu, trong chương 3 của luận văn này, tác giả đã đưa ra một số phương hướng, kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện vấn đề này từ góc độ xây dựng pháp luật và việc áp dụng pháp luật của các thẩm phán. Việc hoàn thiện này cần được thực hiện theo hướng đảm bảo tính khoa học, tính thống nhất của các quy định pháp luật. Đồng thời phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay và xu hướng chung của thế giới. Cùng với công tác hoàn thiện pháp luật cần thực hiện tốt việc hướng dẫn áp dụng pháp luật cũng như tăng cường trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ làm công tác pháp luật.